TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 30/2026/QĐST-LĐ	*Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Hà;

- Thư ký phiên họp: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 37/2026/TLST-VLĐ ngày 08/7/2026 và Thông báo thụ lý bổ sung số 37A/2026/TLBS-VLĐ ngày 16/7/2026 về việc "Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 17/2026/QĐST-VLĐ ngày 29/7/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Chị Vũ Thị Thúy C, sinh ngày 06/02/1990; CCCD số: 030190004376; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã K thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH S2. Địa chỉ: K, quốc lộ E, phường T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Jung Young C1 – Tổng giám đốc công ty S2. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Oh Bong S – Phó tổng giám đốc (Vắng mặt).

2.2. Công ty TNHH E. Địa chỉ: K, quốc lộ E, phường T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Geun S1 – Tổng giám đốc công ty (Vắng mặt).

2.3. Bảo hiểm xã hội cơ sở H1. Địa chỉ: Số G đường T, phường H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quý Q- Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K- Phó giám đốc (vắng mặt).

2.4. Chị Vũ Thị H, sinh ngày 30/12/1993; CCCD số 030193005192; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG:

1. Tại đơn yêu cầu và bản trình bày người yêu cầu chị Vũ Thị Thúy C **trình bày:** Chị là em họ của chị Vũ Thị H. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên chị đã cho chị Vũ Thị H mượn chứng minh thư nhân dân số 142432850 để làm hồ sơ xin việc. Chị H đã làm hồ sơ mang tên chị để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2. Địa chỉ: K, quốc lộ E, phường T, thành phố Hải Phòng, được Công ty Đ và bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 10 năm 2010, mã số bảo hiểm 3009022514. Sau khi chị H nghỉ việc tại Công ty TNHH S2, chị H đã được hưởng chế độ BHXH một lần. Số tiền này chị H đã sử dụng nên chị H có trách nhiệm trả lại cơ quan bảo hiểm.

Mặt khác, theo tra cứu thông tin tại cơ quan bảo hiểm xã hội thể hiện về người lao động là chị - Vũ Thị Thúy C Mã số BHXH 3010035368, có thời gian tham gia đóng BHXH, BHTN từ tháng 08/2010 - 01/2011 tại Công ty TNHH E đã được khóa quá trình do mượn hồ sơ.

Thực tế trong khoảng thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 3/2011 chị có ký hợp đồng lao động với Chi nhánh công ty TNHH S3 tại N và được công ty Đ, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định, được cấp mã số bảo hiểm là 3010005753 mang tên chị – Vũ Thị Thúy C. Từ tháng 10/2011, chị là giáo viên của Trường M, huyện N, tỉnh Hải Dương cũ.

Việc chị H lấy hồ sơ tên của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2 và hồ sơ người lao động tên chị (không xác định được thông tin người ký) tại Công ty TNHH E là gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực. Hiện nay trên hệ thống bảo hiểm xã hội, chị đang tham gia bảo hiểm bằng 03 mã số BHXH khác nhau là 3009022514, 3010035368 và 3010005753, thời gian trùng đóng bảo hiểm là từ tháng 04/2010 đến tháng 08/2010 và từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án: Tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH S2 với tên trên hồ sơ Vũ Thị Thúy C (do chị Vũ Thị H ký); Hợp đồng lao động đã ký

kết giữa công ty TNHH E với tên trên hồ sơ Vũ Thị Thúy C (không xác định được thông tin người ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả, cụ thể là hoàn trả công ty TNHH S2 số tiền bảo hiểm đã đóng từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 có mã số bảo hiểm 3009022514 và hoàn trả Công ty TNHH E số tiền bảo hiểm đã đóng từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011 có mã số bảo hiểm 3010035368 theo tỷ lệ và quy trình thoái thu của bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm.

2. Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ý kiến của chị Vũ Thị H**:** Chị là chị họ của chị Vũ Thị Thúy C. Do không hiểu biết pháp luật nên chị đã mượn chứng minh nhân dân số 142432850 của chị C làm hồ sơ xin việc và giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2. Địa chỉ: K, quốc lộ E, phường T, thành phố Hải Phòng (số hợp đồng và ngày tháng cụ thể chị không nhớ). Khi làm việc tại Công ty chị đã được Công ty Đ, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 10 năm 2010, mã số bảo hiểm 3009022514 mang tên Vũ Thị Thúy C, trong khi thực tế chị C không làm việc tại Công ty TNHH S2 thời gian nào. Sau đó, chị nghỉ làm tại công ty, chấm dứt hợp đồng lao động. Do thời gian đã lâu nên hợp đồng lao động và thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đã bị mất, không còn để cung cấp cho Tòa án. Sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH S2, chị đã đến cơ quan bảo hiểm huyện N để rút tiền bảo hiểm 01 lần theo Quyết định số 060765/QĐ ngày 18/12/2011 đối với quá trình đóng bảo hiểm từ tháng 12/2008-tháng 10/2010 với số tiền là 3.316.608đ và đã sử dụng hết. Ngoài sử dụng chứng minh nhân dân của chị C để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2, chị không sử dụng để ký hợp đồng lao động với công ty nào khác.

Chị được biết trong khoảng thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 3/2011, chị C đi làm và có ký hợp đồng lao động với Chi nhánh công ty TNHH S3 tại N, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định, được cấp mã số bảo hiểm là 3010005753 mang chị Vũ Thị Thúy C.

Nay, chị nhận thức việc mượn chứng minh nhân dân của chị C để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2 là không đúng khi ký kết hợp đồng lao động. Do vậy, chị đồng ý với yêu cầu của chị C là đề nghị Tòa án tuyên bố: Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH S2 với tên Vũ Thị Thúy C (do chị ký hợp đồng) là vô hiệu và giải quyết hậu quả là hoàn trả số tiền đóng bảo hiểm cho Công ty TNHH

S2 từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 tại sổ BHXH số 3009022514 theo quy trình thoái thu của Đ và chị có trách nhiệm hoàn trả số tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 01 lần là 3.316.608đ cho cơ quan bảo hiểm. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và chị xin được vắng mặt tại phiên họp.

- Ý kiến của Công ty TNHH S2 **thông qua người đại diện**: Chị Vũ Thị Thúy C, sinh ngày 06/02/1990, số CMND là 142432850 vào Công ty làm từ ngày 26/8/2008, được tham gia BHXH và BHTN từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 và được chốt sổ vào tháng 11/2010 với số sổ bảo hiểm là 3009022514. Do thời gian đã lâu nên công ty không còn hồ sơ xin việc, hợp đồng lao động, quyết định thôi việc và giấy tờ liên quan đến việc báo tăng, giảm bảo hiểm đứng tên người lao động là Vũ Thị Thúy C để cung cấp cho Tòa án. Công ty đồng ý với yêu cầu của chị C về việc tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa công ty với người đứng tên Vũ Thị Thúy C vô hiệu. Đối với số tiền bảo hiểm đã đóng cho người lao động từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010, công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra công ty không yêu cầu giải quyết nội dung nào khác và xin được giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Công ty TNHH E **thông qua người đại diện**: Chị Vũ Thị Thúy C có số BHXH 2010035368 làm việc tại Công ty từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011 và được công ty đóng BHXH và BHTN. Trên thực tế Công ty đã thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ trả lương, đóng bảo hiểm cho người lao động Vũ Thị Thúy C trong quá trình tham gia làm việc tại Công ty. Đồng thời trong suốt thời gian từ tháng 8/2010 đến hiện tại Công ty không nhận được bất kỳ khiếu nại hay kiến nghị nào của các bên liên quan, không biết có sự gian dối của người lao động khi giao kết hợp đồng. Theo quy trình nghỉ việc của công ty, hồ sơ xin việc của người lao động được công ty lưu trữ trong hạn 05 năm kể từ ngày nghỉ việc. Người lao động mang tên Vũ Thị Thúy C đã nghỉ việc từ tháng 02/2011 tính đến hiện tại đã quá 05 năm, do đó công ty không còn lưu giữ bất kỳ hồ sơ nào của người lao động mang tên Vũ Thị Thúy C. Quan điểm của công ty là đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật và công ty sẽ tuân thủ theo Quyết định giải quyết của Tòa án và Đ.

- Ý kiến của Bảo hiểm xã hội cơ sở H1 **thông qua người đại diện:**

Căn cứ dữ liệu Hệ thống quản lý thu và sổ thẻ, Hệ thống quản lý chính sách của ngành, BHXH cơ sở H1 xác nhận có thông tin về người lao động:

* Chị Vũ Thị Thúy C, sinh ngày 06/02/1990, có mã số BHXH và thông tin quá trình đóng/hưởng BHXH BHTN như sau:

+ Mã số BHXH 3009022514, số CMND 142432850, có thời gian tham gia đóng BHXH BHTN từ tháng 12/2008 - 10/2010 tại Công ty TNHH S2 (thời điểm này do BHXH tỉnh H cũ quản lý tính thu). Có dữ liệu thông tin đã hưởng chế độ BHXH một lần tại BHXH huyện N (cũ) theo Quyết định số 060765/QĐ ngày 18/12/2011 đối với quá trình từ tháng 12/2008 – tháng 10/2010, với số tiền là 3.316.608 đồng; không có dữ liệu thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp (có kèm theo bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN).

+ Mã số BHXH 3010035368, có thời gian tham gia đóng BHXH BHTN từ tháng 08/2010 - 01/2011 tại Công ty TNHH E *(thời điểm này do* BHXH thành phố H *cũ quản lý tính thu)*; đã được khóa quá trình do mượn hồ sơ. Không có dữ liệu thông tin hưởng chế độ BHXH một lần hay trợ cấp thất nghiệp.

+ Mã số BHXH 3010005753, số CCCD 030190004376, có thời gian tham gia đóng BHXH BHTN từ tháng 04/2010 - 03/2011 tại Chi nhánh Công ty TNHH S3 tại N, từ tháng 10/2011 đến nay tại Trường Mầm non Đ1 *(do* BHXH huyện N *cũ, nay là BHXH cơ sở Gia Lộc quản lý tính thu);* Không có dữ liệu thông tin hưởng chế độ BHXH một lần hay trợ cấp thất nghiệp.

Thời gian trùng đóng BHXH BHTN tại 03 công ty khác nhau, giữa 03 mã số BHXH khác nhau 3009022514, 3010035368 và 3010005753 là từ tháng 04/2010 - 08/2010, 10/2010-01/2011. Ngoài ra, căn cứ vào quá trình tham gia đóng BHXH BHTN tại 3 sổ BXHH trên, việc hưởng chế độ BHXH một lần đối với sổ BHXH mã số 3009022514 đã vi phạm điều kiện hưởng *(không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 55 Luật BHXH năm 2006).*

* Vũ Thị H, sinh ngày 30/12/1993, số CCCD 030193005192, có thời gian tham gia đóng BHXH BHTN bắt đầu từ tháng 07/2011 tại Công ty TNHH S2 (thời điểm này do BHXH tỉnh H cũ quản lý tính thu), đến nay (7/2026) đang tham gia tại Công ty cổ phần M1 (do BHXH cơ sở B quản lý tính thu). Có dữ liệu thông tin hưởng chế độ BHXH một lần tại BHXH huyện N (cũ) theo Quyết định số 11020000605 ngày 22/5/2024 đối với quá trình từ tháng 7/2011-01/2023, với số tiền là 64.049.505 đồng, không có dữ liệu thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp.

* Quan điểm giải quyết: Việc mượn hồ sơ cá nhân của chị C để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm là 009022514 từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 tại Công ty TNHH S2; mã số bảo hiểm 3010035368 từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011 tại C2. Đây là hành vi gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực khi ký kết HĐLĐ. Tuy nhiên, theo điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019 mới có quy định về hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ trong trường hợp người giao kết hợp đồng vi phạm nguyên tắc trung thực. Còn Bộ luật lao động năm 2012 không có quy định về hợp đồng lao động bị vô hiệu toàn bộ khi vi phạm nguyên tắc trung thực, Bộ luật lao động năm 1994 không quy định về hợp đồng lao động vô hiệu, trong khi đó vụ việc này các bên ký hợp đồng lao động vào năm 2008.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 401 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: "Người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện tập thể lao động, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu khi có căn cứ theo quy định của của Bộ luật lao động".

Ngoài ra, do sổ BHXH số 3009022514 có thời gian đóng BHXH BHTN từ tháng 12/2008 – 10/2010, đã được giải quyết hưởng chế độ BHXH một lần tại BHXh huyện N (cũ) nay là BHXH cơ sở G. Vì vậy, nếu Tòa án phán quyết hoàn trả số tiền bảo hiểm cho công ty TNHH S2 đã đóng cho người lao động tên Vũ Thị Thúy C thì chị H (đứng tên chị C) phải hoàn trả lại số tiền 3.316.608đ đã hưởng chế độ BHXH một lần không đúng quy định về quỹ BHXH cho cơ quan BHXH nơi đã giải quyết.

BHXH cơ sở H1 đề nghị TAND khu vực 8 - Hải Phòng xem xét căn cứ các quy định của pháp luật, việc đóng/hưởng BHXH BHTN, cũng như hành vi đã vi phạm pháp luật của các đương sự để giải quyết vụ việc theo thẩm quyền và giải quyết hậu quả đảm bảo tính khả thi khi thi hành phán quyết.

Tại phiên họp:

- Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên họp, các đương sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Thúy C. Tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH S2 với tên Vũ

Thị Thúy C và hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH E với tên Vũ Thị Thúy C là vô hiệu; hoàn trả cho Công ty số tiền đã đóng bảo hiểm cho Vũ Thị Thúy C theo tỷ lệ và quy trình thoái thu của bảo hiểm xã hội. Chị Vũ Thị H phải hoàn trả số tiền 3.316.608đ cho Bảo hiểm xã hội cơ sở H1. Chị Vũ Thị Thúy C phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Người yêu cầu có đơn yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động, nơi thực hiện hợp đồng tại trụ sở của Công ty TNHH S2 và Công ty TNHH E, đều có địa chỉ phường T, thành phố Hải Phòng nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Các đương sự đều có đơn, có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Hiện, các đương sự đều không cung cấp được văn bản các hợp đồng lao động. Tuy nhiên căn cứ Bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHTN của mã số bảo hiểm 3009022514 và 3010035368 cùng sự thừa nhận của các đương sự, có căn cứ xác định có hợp đồng lao động giữa bên chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH S2 với bên người lao động tên trong hợp đồng là Vũ Thị Thúy C (người ký hợp đồng chị Vũ Thị H) thời gian lao động từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 và có hợp đồng lao động giữa bên chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH E với bên người lao động tên trong hợp đồng là Vũ Thị Thúy C (người ký hợp đồng không xác định được thông tin) thời gian lao động từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của

Bộ L thể hiện: *"...Trường hợp ngườilao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi viphạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của* Bộ L1 *động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao độngtheo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy địnhtại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồnglao động vô hiệu toàn bộ...*". Việc mượn hồ sơ cá nhân của chị C để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo các mã số bảo hiểm là 009022514 từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 tại Công ty TNHH S2 và mã số bảo hiểm 3010035368 từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011 tại Công ty TNHH E là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Vì vậy, yêu cầu của chị C đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động đứng tên trong hợp đồng Vũ Thị Thúy C với Công ty TNHH S2, Công ty TNHH E vô hiệu là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2]. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Quá trình chị H mượn tên của chị C làm việc tại Công ty TNHH S2, Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm là 009022514. Sau khi chị H nghỉ việc tại công ty, chị H đã đến cơ quan bảo hiểm xã hội huyện Đ rút tiền bảo hiểm xã hội một lần là 3.316.608đ đối với quá trình từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010.

Quá trình người khác (không xác định được thông tin) đã mượn tên chị C làm việc tại C3, công ty đã đóng BHXH theo mã bảo hiểm 3010035368 từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011.

Căn cứ vào tài liệu ghi quá trình đóng BHXH, BHTN và cung cấp của Bảo hiểm xã hội tỉnh H có căn cứ xác định công ty TNHH S2 và công ty TNHH E đã đóng bảo hiểm xã hội đứng tên hồ sơ Vũ Thị Thúy C thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010 và từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011. Nay, chị H đồng ý hoàn trả số tiền đã nhận cho cơ quan bảo hiểm để thực hiện quy trình thoái thu bảo hiểm xã hội cho Công ty TNHH S2. Xét yêu cầu này của đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, cần phải hoàn trả cho Công ty TNHH S2 và công ty TNHH E1 số tiền bảo hiểm đã đóng theo tỷ lệ và quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội, đồng thời chị H phải hoàn trả số tiền 3.316.608đ cho Bảo hiểm xã hội cơ sở H1.

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị Thúy C phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 52 Bộ luật lao động 2012; Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Thúy C.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH S2 với người lao động tên Vũ Thị Thúy C là vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH E2 với người lao động tên Vũ Thị Thúy C là vô hiệu.

- Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH S2 số tiền bảo hiểm đã đóng đứng tên hồ sơ Vũ Thị Thúy C thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 10/2010, mã số BHXH 3009022514 theo tỷ lệ và quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội.

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH E2 số tiền bảo hiểm đã đóng đứng tên Vũ Thị Thúy C thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 01/2011, mã số BHXH 3010035368 theo tỷ lệ và quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội.

+ Chị Vũ Thị H hoàn trả Cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở Hải Dương số tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần là 3.316.608đ (Ba triệu, ba trăm mười sáu nghìn, sáu trăm linh tám đồng).

[3]. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị Thúy C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000304 ngày 08/7/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng (đã thực hiện xong).

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 8 - HP;*
- *Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;*
- *Người yêu cầu;*
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu Tòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Thị Hà